

Số: 5726/QĐ-ĐHYD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2023 đợt 2

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2023 đợt 2 và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2023 đợt 2 cho 38 (ba mươi tám) học viên của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh thuộc 17 ngành (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng Khoa/Bộ môn liên quan và học viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTSĐH_VTT



Ngô Quốc Đạt

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM 2023 ĐỢT 2 CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH**

(Đính kèm theo quyết định số 5726 /QĐ-ĐHYD, ngày 30 tháng 11 năm 2023 của
Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
1. Ngành Khoa học y sinh (mã số đào tạo: 9720101): 04 học viên						
1.	Lư Bạch Kim	Nữ	15/12/1988	An Giang	3 năm	Giải phẫu bệnh
2.	La Minh Đức	Nam	13/10/1984	Cần Thơ	3 năm	Giải phẫu học
3.	Nguyễn Duy Phương	Nam	22/08/1987	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Giải phẫu học
4.	Nguyễn Vũ Hoàng Yến	Nữ	21/11/1983	Nam Định	3 năm	Vi sinh y học
2. Ngành Ngoại khoa (mã số đào tạo: 9720104): 02 học viên						
5.	Vũ Quang Hưng	Nam	04/07/1984	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Ngoại khoa
6.	Phạm Hồng Phú	Nam	03/02/1988	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Ngoại khoa
3. Ngành Sản phụ khoa (mã số đào tạo: 9720105): 01 học viên						
7.	Phạm Thanh Hoàng	Nam	29/01/1982	Khánh Hòa	3 năm	Sản phụ khoa
4. Ngành Nhi khoa (mã số đào tạo: 9720106): 01 học viên						
8.	Nguyễn Thụy Minh Thư	Nữ	28/02/1983	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Nhi khoa
5. Ngành Nội khoa (mã số đào tạo: 9720107): 05 học viên						
9.	Nguyễn Thành Sang	Nam	10/12/1989	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Lão khoa
10.	Nguyễn Trường Duy	Nam	04/10/1985	Vĩnh Long	3 năm	Nội khoa
11.	Ngô Thị Kim Trinh	Nữ	04/07/1977	Kiên Giang	3 năm	Thần kinh
12.	Phan Hoàng Phương Khanh	Nữ	25/10/1985	Đà Nẵng	3 năm	Thần kinh
13.	Đào Duy Khoa	Nam	23/08/1981	Kiên Giang	3 năm	Thần kinh
6. Ngành Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (mã số đào tạo: 9720109): 02 học viên						
14.	Du Trọng Đức	Nam	24/06/1986	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Truyền nhiễm
15.	Trần Minh Hoàng	Nam	21/03/1987	Bà Rịa - Vũng Tàu	3 năm	Truyền nhiễm

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
7. Ngành Y học cổ truyền (mã số đào tạo: 9720115): 03 học viên						
16.	Lê Trung Nam	Nam	30/10/1983	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Y học cổ truyền
17.	Nguyễn Trương Minh Thế	Nam	14/02/1984	Tiền Giang	3 năm	Y học cổ truyền
18.	Đoàn Quang Nguyên	Nam	09/03/1994	Tây Ninh	3 năm	Y học cổ truyền
8. Ngành Tai – Mũi – Họng (mã số đào tạo: 9720155): 02 học viên						
19.	Bùi Thế Hưng	Nam	19/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Tai- Mũi- Họng
20.	Nguyễn Văn Thành	Nam	15/07/1985	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Tai- Mũi- Họng
9. Ngành Nhân khoa (mã số đào tạo: 9720157): 01 học viên						
21.	Nguyễn Thị Thu Tâm	Nữ	13/08/1984	An Giang	3 năm	Nhân khoa
10. Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (mã số đào tạo: 9720202): 01 học viên						
22.	Phan Hoàng Long	Nam	28/07/1996	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
11. Ngành Hóa dược (mã số đào tạo: 9720203): 02 học viên						
23.	Trần Thế Huân	Nam	17/06/1990	Thừa Thiên Huế	3 năm	Hóa dược
24.	Phạm Cảnh Em	Nam	03/03/1993	An Giang	3 năm	Hóa dược
12. Ngành Dược lý và dược lâm sàng (mã số đào tạo: 9720205): 01 học viên						
25.	Cao Kim Xoa	Nữ	11/11/1994	Tỉnh Long An	3 năm	Dược lý và dược lâm sàng
13. Ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (mã số đào tạo: 9720206): 03 học viên						
26.	Đoàn Thị Ái Nghĩa	Nữ	05/07/1988	Thừa Thiên Huế	3 năm	Dược liệu - Dược học cổ truyền
27.	Lý Hồng Hương Hạ	Nữ	24/05/1983	Sóc Trăng	3 năm	Dược liệu - Dược học cổ truyền
28.	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	01/03/1983	Hung Yên	3 năm	Dược liệu - Dược học cổ truyền
14. Ngành Điều dưỡng (mã số đào tạo: 9720301): 04 học viên						
29.	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Nữ	07/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Điều dưỡng
30.	Võ Thị Hồng Nhân	Nữ	01/03/1992	Bến Tre	3 năm	Điều dưỡng
31.	Nguyễn Thị Kim Tường	Nữ	20/08/1992	Sóc Trăng	3 năm	Điều dưỡng
32.	Nguyễn Thị Thanh Tình	Nữ	16/11/1980	Hà Tĩnh	3 năm	Điều dưỡng

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
15. Ngành Răng – Hàm - Mặt (mã số đào tạo: 9720501): 01 học viên						
33.	Đỗ Tiến Hải	Nam	01/01/1978	Quảng Ngãi	3 năm	Răng- Hàm- Mặt
16. Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học (mã số đào tạo: 9720601): 02 học viên						
34.	Lâm Ánh Nguyệt	Nữ	22/08/1981	Tây Ninh	3 năm	Kỹ thuật Xét nghiệm y học
35.	Trần Bích Ngọc	Nữ	12/12/1988	Phú Yên	3 năm	Kỹ thuật Xét nghiệm y học
17. Ngành Y tế công cộng (mã số đào tạo: 9720701): 03 học viên						
36.	Nguyễn Quang Khải	Nam	22/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Y tế công cộng
37.	Nguyễn Trọng Duy Thức	Nam	15/12/1993	Lâm Đồng	3 năm	Y tế công cộng
38.	Mai Chí Công	Nam	06/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Y tế công cộng

Ấn định danh sách công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2023 đợt 2 có 38 học viên (ba mươi tám) thuộc 17 ngành./.

KT. HIỆU TRƯỞNG *thao*
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 NGÔ QUỐC ĐẠT